

MẪU TUÝP 20 g
VECTOKA



(LSX, HD dập nổi trên tuýp)

Ngày 15 tháng 07 năm 2024

Giám đốc





GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU HỘP 1 TUÝP x 20 g
VECTOKA



Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



[Signature]

GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU TUÝP 30 g
VECTOKA



(LSX, HD dập nổi trên tuýp)

Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU HỘP 1 TUÝP x 30 g

VECTOKA



Ngày 15 tháng 07 năm 2024

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Thành

MẪU TUÝP 40 g
VECTOKA



(LSX, HD dập nổi trên tuýp)

Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU HỘP 1 TUÝP x 40 g
VECTOKA

LSX:
NSX:
HD:


MEDBOLIDE

R_x Thuốc kê đơn

Hộp 1 tuýp x 40 g gel bôi da

Vectoka
Troxerutin 2,0% (kl/kl)

Thành phần: mỗi tuýp chứa
Troxerutin2,0% (kl/kl)
Tá dượcvừa đủ 1 tuýp 40 g
Bảo quản: Nơi khô ráo, tránh ánh sáng,
nhiệt độ không quá 30°C.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và
các thông tin khác: Xem trong tờ hướng
dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS
SDK

Không dùng quá liều chỉ định

Mã vạch

Vectoka
Troxerutin 2,0% (kl/kl)
R_x Thuốc kê đơn

Hộp 1 tuýp x 40 g gel bôi da

Vectoka
Troxerutin 2,0% (kl/kl)
R_x Thuốc kê đơn

Tỉ lệ 90%

Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Thành

MẪU TUÝP 60 g
VECTOKA



(LSX, HD dập nổi trên tuýp)

Tỉ lệ 70%

Ngày 15 tháng 07 năm 2024
Giám đốc

GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU HỘP 1 TUÝP x 60 g
VECTOKA



Tỉ lệ 70%

Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

MẪU TUÝP 100 g
VECTOKA



(LSX, HD dập nổi trên tuýp)

Tỉ lệ 70%

Ngày ...15... tháng ...07... năm ...2024

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Thành

MẪU HỘP 1 TUÝP x 100 g
VECTOKA



Tỉ lệ 70%

Ngày ..15... tháng ..07... năm ..2024

Giám đốc

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
MEDBOLIDE**

QUẬN 11 - T.P HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
Bùi Minh Thành

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC
Rx VECTOKA
(Troxerutin 2,0% (kl/kl))

Khuyến cáo:

- Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc
- Để xa tầm tay trẻ em
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
- Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi tuýp chứa:

Thành phần dược chất:

Troxerutin 2,0% (kl/kl)

Thành phần tá dược:

Carbomers (Carbopol 940), edetate disodium, propylene glycol, methyl parahydroxybenzoate, glycerin, trolamine, purified water.

DẠNG BÀO CHẾ

Gel.

Mô tả dạng bào chế

Chế phẩm dạng gel trong suốt màu vàng, đồng nhất, mịn màng, được đóng trong tuýp nhôm kín.

CHỈ ĐỊNH

- Giảm phù nề và triệu chứng liên quan đến suy giãn tĩnh mạch mạn tính như đau, nặng chân cũng như đau sau điều trị thuyên tắc.
- Giảm đau và phù nề sau chấn thương như bong gân, trật khớp.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

VECTOKA dùng để bôi bề mặt, hai lần trong ngày. Chà xát gel như xoa bóp nhẹ nhàng để thuốc hấp thu hoàn toàn. Nếu cần thiết có thể dùng thêm băng ép.

Kết hợp điều trị với Troxerutin dạng viên nang cho các trường hợp nặng hơn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Người quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Không bôi trực tiếp gel Troxerutin lên niêm mạc, vết thương hở và vết loét.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Chưa có thông tin về tác dụng phụ trên thai nhi và trẻ sơ sinh trong quá trình sử dụng thuốc.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Gel bôi Troxerutin không ảnh hưởng đến khả năng lái tàu xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Chưa có thông tin ghi nhận tương tác với thuốc nào khác.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Có một số trường hợp phản ứng dị ứng và mẫn cảm trên da sau khi bôi gel Troxerutin nhưng hiếm gặp như: đỏ, ngứa, phát ban. Các phản ứng này được điều trị nhanh và không kéo dài.

Thông báo với bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Chưa ghi nhận các trường hợp nào quá liều. Trong vài trường hợp bôi lượng nhiều hoặc có xuất hiện tác dụng không mong muốn thì phải ngưng sử dụng gel Troxerutin và điều trị triệu chứng.

THÔNG TIN VỀ DƯỢC LÝ, LÂM SÀNG

Đặc tính dược lực học

Mã ATC: C05CA04

Nhóm dược lý: Biflavonoid

Troxerutin là hỗn hợp bioflavonoids, có chứa không quá 95% Troxerutin. Troxerutin tích lũy chọn lọc lên lớp nội mạc, thâm sâu vào lớp dưới nội mạc tĩnh mạch, với nồng độ cao hơn so với các mô lân cận. Nó giúp phòng tránh tổn thương màng tế bào và các kích thích phản ứng oxy hóa. Tác động của chất chống oxy hóa được biểu hiện bằng việc suy giảm và loại bỏ tính oxy hóa của chất oxy hóa, ức chế peroxy hóa lipid bảo vệ nội mạc mạch máu trước tác động oxy hóa của các chất gốc hydroxyl. Troxerutin giảm tăng tính thấm thành mạch và tuần hoàn bàng hệ. Hiệu quả bảo vệ tế bào là do ức chế sự hoạt hóa và gắn kết bạch cầu đa trung tính, giảm ngưng tập và tăng độ bền, tránh biến dạng hồng cầu, giảm phóng thích chất trung gian gây viêm. Nó tăng hồi lưu tĩnh mạch – động mạch và kéo dài thời gian tái đổ đầy tĩnh mạch, cải thiện vi tuần hoàn và tưới máu vi mạch. Nó làm giảm phù nề, giảm đau, cải thiện dinh dưỡng và các loại biến đổi bệnh lý, liên quan đến suy giảm chức năng tĩnh mạch.

Đặc tính dược động học

Hoạt chất khi dùng tại chỗ, được phóng thích nhẹ nhàng chất gel tan trong nước, nó thâm vào da và sau khoảng 30 phút thâm qua da, sau 2 – 5 giờ đến mô mỡ dưới da.

Dữ liệu an toàn tiền lâm sàng

Không có dữ liệu lâm sàng nào cho thấy nguy hại cho người trên cơ sở nghiên cứu thông thường về độc tính của đơn liều cũng như liều lặp lại. Các nghiên cứu về gây độc di truyền, nguy cơ ung thư, độc tính trên chức năng sinh sản cũng chưa thấy nguy cơ có sẵn.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 tuýp (nhôm) 20 g, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 1 tuýp (nhôm) 30 g, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 1 tuýp (nhôm) 40 g, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 1 tuýp (nhôm) 60 g, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 1 tuýp (nhôm) 100 g, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

HẠN DÙNG CỦA THUỐC

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn cơ sở.

CƠ SỞ ĐĂNG KÝ THUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE

Địa chỉ: Phòng 09, lầu 10, tòa nhà The EverRich 1, số 968, đường Ba Tháng Hai, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME DI SUN

Địa chỉ: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Đại diện Cơ sở đăng ký thuốc



GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Thành

